

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2020

“V/v : Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Lan.

2. Ông Trần Trọng Sơn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Quốc Trọng – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn Tân H, xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. (Anh Nguyễn Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn Tân H, xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2020, bản tự khai ngày 07/02/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh và chị Phan Thị H yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 16/7/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, hai vợ chồng quá trình chung sống không có con chung. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, mỗi người ở một

nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Phan Thị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với chị Phan Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập chị đến Tòa án nhiều lần để giải quyết việc anh Nguyễn Đức T xin ly hôn, nhưng chị Hiếu vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương (UBND xã Quảng T và Công an xã Quảng T) thì chị Phan Thị H đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Xác minh tại gia đình (bố mẹ đẻ chị H) thì chị Phan Thị H đều nhận được thông tin do gia đình cung cấp (các văn bản tố tụng) liên quan đến việc giải quyết vụ án mà Tòa án tổng đạt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đức T và chị Phan Thị H;
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Phan Thị H;
3. Về quan hệ con chung: Không có
4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập chị Phan Thị H đến Tòa án hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc anh Nguyễn Đức T xin ly hôn, nhưng chị Phan Thị H vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương (UBND xã Quảng T và Công an xã Quảng T) thì chị Phan Thị H đang có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Mặt khác, bố mẹ đẻ của chị H cho biết chị H đã được gia đình cung cấp thông tin (các văn bản

tổ tụng) về việc giải quyết vụ án do Tòa án tổng đạt. Chị Phan Thị H được Tòa án triệu tập 02 lần đến tham gia tố tụng tại phiên tòa vào các ngày 21/5/2020 và ngày 16/6/2020, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt chị Phan Thị H là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Đức T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Phan Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng T, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Quảng T, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 16/7/1996 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng chung sống nhưng không có con chung. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và giao nộp chứng cứ cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhiều lần, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản cho Tòa án biết. Chứng tỏ chị H cũng chẳng tha thiết gì đến việc xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Phan Thị H là có cơ sở.

[3] Về quan hệ con chung: Không có

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Đức T phải chịu theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Đức T và chị Phan Thị H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T và chị Phan Thị H được ly hôn nhau.
3. Về quan hệ con chung: Không có.
4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006959 ngày 20 tháng 01 năm 2020. (Anh Nguyễn Đức T đã nộp đủ tiền án phí)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi họ thường trú./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng T;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Dương**